

Bản án số: 15/2023/HS-ST
Ngày 14/4/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BẢN, TỈNH LÀO CAI.

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Triệu Vĩnh Thái.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Duy Bình.

2. Ông Hoàng Văn Thứ.

Thư ký phiên toà: Bà Lữ Thị Như Quỳnh - Thư ký toà án nhân dân huyện Văn Bản, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bản tham gia phiên toà: Ông Đỗ Thụy Khuê - Kiểm sát viên.

Ngày 14/4/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Bản, tỉnh Lào Cai. Mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 13/2023/ TLST-HS ngày 17/3/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2023/QĐXXST-HS ngày 03/4/2023 đối với bị cáo:

Hoàng Văn T, sinh ngày 05/4/1999, tại: Huyện V, tỉnh L.

Nơi ĐKNKTT: Thôn K, xã C, huyện V, tỉnh L.

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 9/12.

Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Hoàng Văn T1, sinh năm 1978 (đã chết); con bà: Hoàng Thị C, sinh năm 1975 (đã chết); Mẹ nuôi: Hoàng Thị T, sinh năm 1983. Hiện trú tại: Xã C, huyện V, tỉnh L.

Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Nhân thân: Là người sử dụng chất ma túy.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/01/2023 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Văn Bản, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

* *Người bào chữa cho bị cáo:* Bà Lương Thị C, sinh năm 1991 - Trợ giúp viên, trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh L - Có mặt.

* *Bị hại:* Anh Hoàng Văn N, sinh năm 1998 - **Vắng mặt.**

Nơi cư trú: Thôn B, xã C, huyện V, tỉnh L.

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1964. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã K, huyện V, tỉnh L - **Vắng mặt.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 21/11/2022, tại khu lán ở công nhân công trường xây dựng Bệnh viện đa khoa huyện V thuộc tổ dân phố B, thị trấn K. Hoàng Văn T hỏi mượn xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE ALPHA, biển kiểm soát 24V1-235.xx của anh Hoàng Văn N - sinh năm 1998, nơi cư trú: Thôn B, xã C, huyện V, tỉnh L (làm cùng công trình xây dựng với T) đi mua dầu gội đầu, anh N đồng ý đưa chìa khóa xe cho T. Sau đó T điều khiển xe mô tô đi thẳng về nhà ở xã C. Trên đường đi, Tùng có dừng xe mở cốp xe để kiểm tra còn xăng không thì nhìn thấy có một chiếc ví giả da màu đen, bên trong ví có 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 24V1-235.xx, một giấy phép lái xe và một căn cước công dân đều mang tên Hoàng Văn N. Khi về đến nhà T dùng chiếc điện thoại Nokia 106 nhắn tin nói cho anh N biết mình đi về nhà và hẹn sáng ngày 22/11/2022 sẽ mang xe đến công trường để trả lại, anh N đã đồng ý. Nghĩ công việc đang làm không phù hợp nên muốn đi H để tìm công việc khác. Khoảng hơn 20 giờ cùng ngày, do cần tiền đi tìm việc làm ở H nên T điều khiển xe mô tô mượn của anh N đi đến quán sửa xe của ông Nguyễn Văn B - sinh năm 1964, nhà ở thôn Đ, xã K, huyện V cầm cố xe mô tô và toàn bộ giấy tờ lấy số tiền 6.000.000 đồng rồi đón xe khách đi H. Sáng ngày 22/11/2022, anh N gọi điện thoại, T nói đang đi có việc rồi tắt máy. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, T nhắn tin cho anh N với nội dung do cần tiền đi H tìm việc nên đã cầm xe mô tô của anh N cho ông B, khi nào có tiền sẽ quay về lấy lại xe mô tô trả cho anh N rồi T tắt máy điện thoại. Những ngày sau đó, anh N liên lạc lại với T nhưng không được. Ngày 30/11/2022, anh N đã đến trả số tiền 6.000.000 đồng cho ông B để lấy lại xe mô tô cùng giấy tờ. Ngày 26/01/2023 anh N đã đến Công an huyện Văn Bàn trình báo sự việc, ngày 27/01/2023 Hoàng Văn T đến Công an huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai để đầu thú và tự giác khai nhận hành vi vi phạm pháp luật của mình.

Tại bản Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 26 ngày 31/01/2023 của Hội đồng ĐGTS trong tố tụng hình sự huyện Văn Bàn kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave Alpha, màu sơn trắng, đen, bạc, BKS: 24V1-235.xx, xe được đăng ký lần đầu ngày 18/02/2021. Giá trị tài sản tại thời điểm tháng 11/2022 là 15.200.000đ.

Tại bản cáo trạng số: 15/CT-VKS-VB ngày 17/3/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn quyết định truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn để xét xử bị cáo Hoàng Văn T về tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn đề nghị hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

* *Về trách nhiệm hình sự*: - Hình phạt chính: Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T từ 11 tháng tù đến 14 tháng tù.

- Hình phạt bổ sung: Không.

* *Về vật chứng*: Đề nghị áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động Nokia 106, vỏ màu xanh, đã qua sử dụng là công cụ phạm tội đã thu giữ của bị cáo Hoàng Văn T.

* *Về trách nhiệm dân sự*: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Điều 584, Điều 589 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Hoàng Văn T phải bồi thường cho anh Hoàng Văn N 6.000.000đ tiền thiệt hại do tài sản bị xâm phạm.

* Tại phiên Tòa người bào chữa cho bị cáo nhất trí về tội danh và điều luật như đại diện Viện kiểm sát luận tội nhưng đề nghị Hội đồng xét xử: Xem xét xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng tù và không áp dụng hình phạt bổ sung với bị cáo, vì bị cáo là người dân tộc thiểu số nhận thức pháp luật có phần hạn chế, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử thành khẩn khai báo; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi có hành vi vi phạm pháp luật đã ra đầu thú; nghề nghiệp tự do, không có tài sản riêng gì, gia đình thuộc diện hộ nghèo của địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo bị truy tố: Lợi dụng sự quen do cùng là công nhân trong cùng một công trường, khoảng 19 giờ ngày 21/11/2022, bị cáo T hỏi mượn xe mô tô nhãn hiệu HONDA biển kiểm soát 24V1-235.xx của anh Hoàng Văn N để đi mua dầu gội đầu. Anh N đồng ý cho bị cáo mượn xe nhưng bị cáo không đi mua dầu gội đầu mà điều khiển xe thẳng về nhà mình ở xã C, huyện V. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, bị cáo điều khiển xe đến quán sửa xe của ông Nguyễn Văn B cầm cổ xe mô tô và toàn bộ giấy tờ lấy số tiền 6.000.000đ rồi đón xe khách đi thành phố H. Đến khoảng 13 giờ ngày 22/11/2022, bị cáo nhắn tin cho anh N với nội dung do cần tiền đi H tìm việc nên đã cầm xe mô tô của anh N cho ông B, khi nào có tiền sẽ quay về lấy lại xe mô tô trả cho anh N rồi tắt máy điện thoại. Những ngày sau đó, anh N liên lạc lại với bị cáo T nhưng không được. Ngày 30/11/2022, anh N đã trả số tiền 6.000.000đ cho ông B để lấy lại xe mô tô cùng giấy tờ. Ngày 26/01/2023 anh N đã đến Công an huyện Văn Bàn trình báo sự việc, ngày 27/01/2023 Hoàng Văn T đến Công an huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai để đầu thú và khai nhận hành vi vi phạm pháp luật của mình.

Như vậy lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án xác định ngày 21/11/2022, bị cáo Tùng đã mượn xe mô tô nhãn hiệu HONDA biển kiểm soát 24V1-235.xx của anh N trị giá 15.200.000đ sau đó bỏ trốn nhằm chiếm đoạt xe mô tô

này. Do vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận Hoàng Văn T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 điều 175 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội.

[3] Hội đồng xét xử đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo như sau: Hành vi của bị cáo đã gây mất trật tự trị an tại địa phương, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ. Là người khỏe mạnh nhưng bị cáo không chịu tu dưỡng rèn luyện bản thân, đua đòi sử dụng ma túy, lười lao động nên có hành vi xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác. Vì vậy cần phải xử lý bị cáo với một mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội để cải tạo giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội và phòng ngừa chung.

[4] Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm Hình sự; Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi có hành vi vi phạm pháp luật đã ra đầu thú; Bị cáo là người sử dụng ma túy, nghề nghiệp tự do, không có tài sản riêng gì, gia đình thuộc diện hộ nghèo của địa phương. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 51 Bộ luật hình sự nên xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt tù cho bị cáo và không áp dụng hình phạt bổ sung để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

[5] Về vật chứng:

- Đối với 01 điện thoại di động Nokia 106, vỏ màu xanh là công cụ phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, BKS: 24V1 - 235.xx; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe; 01 giấy phép lái xe đều mang tên Hoàng Văn N. Cơ quan điều tra đã thu hồi ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho anh Hoàng Văn N là chủ sở hữu hợp pháp là đúng quy định của pháp luật.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Anh Hoàng Văn N yêu cầu bị cáo T hoàn trả lại số tiền 6.000.000đ anh đã bỏ ra để lấy lại xe mô tô và giấy tờ mà bị cáo T cầm cố ở nhà ông Nguyễn Văn B. Bị cáo T đồng ý với yêu cầu trên nhưng hiện nay chưa có tiền trả nên cần buộc bị cáo phải trả cho anh N 6.000.000đ.

[7] Về các tình tiết khác của vụ án:

Đối với ông Nguyễn Văn B là người cho bị cáo T vay 6.000.000đ và giữ lại xe mô tô biển kiểm soát 24V1-235.xx của anh N làm tin. Ông B không biết chiếc xe trên do bị cáo T phạm tội mà có. Ông B đã nhận lại số tiền 6.000.000đ cho T vay từ anh N và không có yêu cầu, đề nghị gì về trách nhiệm dân sự nên không đề cập giải quyết.

[9] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí vụ án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T 10 (mười) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/01/2023 ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo.

*** Về vật chứng:** Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động Nokia 106, vỏ màu xanh, đã qua sử dụng là công cụ phạm tội đã thu giữ của bị cáo Hoàng Văn T. (Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Văn Bàn và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Bàn ngày 20/3/2023.)

*** Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Điều 584, Điều 589 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo Hoàng Văn T phải bồi thường cho anh Hoàng Văn N 6.000.000đ (sáu triệu đồng) tiền thiệt hại do tài sản bị xâm phạm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại điều 357 Bộ luật Dân sự;

*** Về án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Hoàng Văn T phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, tổng cộng là 500.000đ (năm trăm nghìn đồng).

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6, điều 7, điều 7a, 7b, 7c và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND Tỉnh(01);
- VKSND tỉnh(01);
- VKSND huyện(01)
- Công an huyện(02);
- Bị cáo(01);
- Bị hại; Người có QLNVLQ;
- THAHS, THADS;
- Lưu HS, Văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Triệu Vĩnh Thái

